TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 6 năm 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh, ông Đèo Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L T Y, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh V V P sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị L T Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh P đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/01/2007, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cấp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Cả hai chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè, chơi bời, còn thường xuyên đánh đập chị Y, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, vì vậy anh chị đã sống ly thân nhau được 08 năm

nay, thời gian ly thân chị Y ở cùng bố mẹ tại bản L, xã S, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Đến nay chị Y không còn tình cảm với anh P nữa nên quyết định ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị Y và anh P có hai con chung là V H H, sinh ngày 02/9/2008; V Q V, sinh ngày 10/5/2010. Sau khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu V sẽ do anh P nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nếu được nuôi con chị Y không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh P tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn là anh V Văn P trình bày: Việc anh và chị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của chị Y. Từ khi chung sống với nhau anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai vợ chồng anh chị đi làm, đến cuối năm 2015 thì anh P về nhà để chăm sóc các con , từ đó thì hai vợ chồng anh chị ở hai nơi, chị Y không quan tâm đến chồng con và gia đình, từ đó đến nay coi như đã ly thân vì anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Anh P vẫn còn tình cảm với vợ, mong muốn vợ quay lại cùng anh nuôi dậy con cái, nếu chị Y nhất quyết muốn ly hôn thì anh cũng nhất trí. Về con chung, anh P tại phiên tòa thay đổi ý kiến, anh P đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu V H H và V Q V thì cả hai cháu đều muốn ở cùng bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại Công an xã **B** và trưởng bản A: Sau khi kết hôn anh P và chị Y chung sống với nhau tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, giữa anh chị không phát sinh mâu thuẫn với nhau vì tổ hòa giải chưa hòa giải cho anh chị lần nào, anh P mắc tệ nạn xã hội là nghiện ma túy từ năm 2020. Con chung của anh chị đang ở cùng anh P và ông bà nội, tuy nhiên anh P không có công ăn việc làm ổn định, chị Y đi làm thuê những vẫn gửi tiền về để nuôi các cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L T Y, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị L T Y được ly hôn với anh V V P. Về con chung: giao 02 con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Cả hai đương sự đều cư trú tại bản Huổi Sen, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L T Y và anh V V P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2007, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Y và anh P chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, thường đánh cãi chửi nhau, anh P chơi bời. Chị Y và anh P sống ly thân nhau khoảng 08 năm nay, giữa anh chị không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị Y và anh P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, giải quyết cho chị L T Y được ly hôn với anh V V P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Y và anh P có 02 con chung, tên là V H H, sinh ngày 02/9/2008; Vg Q V, sinh ngày 10/5/2010. Sau khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Anh P thì tùy vào ý kiến của các cháu, và muốn nuôi cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành. Hiện tại cả hai cháu đang ở cùng anh P, nhưng chị Y vẫn gửi tiền về cho anh P nuôi các cháu thường xuyên. Công việc chính của chị Y là làm thuê, thu nhập mỗi tháng khoảng 04 triệu, còn anh P không có công việc và thu nhập ổn định. Quá trình lấy lời khai của cháu H và cháu V thì các cháu đều có nguyện vọng ở cùng bố. Tuy nhiên để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho chị Y là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu V cho anh P là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Y và anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh P không không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa là phù hợp. Tuy nhiên đề nghị giao 02 con chung cho anh P nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là chưa phù hợp do anh P chưa có công ăn việc làm, thu nhập ổn định và là người nghiện ma túy.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự thao quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L T Y được ly hôn với anh V V P.

Về con chung: Giao cháu V H H, sinh ngày 02/9/2008 cho chị Y là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu V Q V, sinh ngày 10/5/2010 cho anh P là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Y và anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L T Y và anh V V P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị L T Y và anh V V P tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L T Y được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá